

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/KDTM-ST

Ngày: 24 - 5 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.
2. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thùy Dương, ông Chau Dau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 24 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 88/2022/QĐST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn MT (sau đây gọi tắt là Công ty MT), địa chỉ trụ sở: Số 583 Quốc lộ 91, ấp BH 1, xã BM, huyện CP, tỉnh AG.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc Giàu E, sinh năm 1976, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc công ty; địa chỉ: Số 93 TĐT, phường MB, thành phố LX, tỉnh AG (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Tuyết H, sinh năm 1967 (Là chủ Đại lý vật tư nông nghiệp Võ Thị Tuyết H - sau đây gọi tắt là Đại lý VTNN Tuyết H); địa chỉ: Ấp MT, xã MĐ, huyện CP, tỉnh AG (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/7/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Ngọc Giàu E đại diện cho Công ty MT trình bày:

Vào ngày 28/02/2011, giữa Công ty MT và Đại lý VTNN Tuyết H (do bà Võ Thị Tuyết H làm chủ hộ kinh doanh) ký kết Bản thỏa thuận về việc mua bán phân bón và thuốc bảo vệ thực vật giai đoạn năm 2011 – 2014. Hình thức mua bán là mua đứt bán đoạn và thỏa thuận thanh toán nợ theo từng toa hàng trong thời hạn 120 ngày, nếu không trả đúng thời hạn thì phải chịu lãi 1,7%/tháng tính từ ngày vi phạm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Đến ngày 01/3/2015, giữa Công ty MT và bà H đối chiếu công nợ và thống nhất ký Giấy xác nhận nợ, theo đó bà H xác nhận còn nợ Công ty MT số tiền 1.141.944.860 đồng. Kể từ ngày xác nhận nợ đến nay, bà H hèn lẩn hèn lự, trốn tránh trách nhiệm trả nợ. Do đó, Công ty MT yêu cầu Tòa án buộc bà H phải trả cho Công ty MT số tiền nợ 1.141.944.860 đồng và yêu cầu tính lãi chậm thanh toán kể từ ngày 01/3/2015 cho đến khi thanh toán hết nợ, mức lãi chậm thanh toán theo thỏa thuận là 1,7%/tháng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn bà H vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Tại phiên tòa,

Ông Trần Ngọc Giàu E khai số tiền nợ 1.141.944.860 đồng theo Giấy xác nhận nợ ngày 01/3/2015 bao gồm: Tiền nợ gốc 577.318.173 đồng và tiền lãi phạt chậm thanh toán 564.626.687 đồng, mức lãi phạt chậm thanh toán áp dụng theo thỏa thuận là 1,7%/tháng. Nay ông Giàu E yêu cầu bà H trả cho Công ty MT tiền nợ gốc 577.318.173 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính kể từ ngày 01/3/2015 cho đến khi bà H thanh toán xong tiền nợ gốc 577.318.173 đồng, đồng ý điều chỉnh lại mức lãi chậm thanh toán theo quy định pháp luật là 20%/năm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Võ Thị Tuyết H có trách nhiệm trả cho Công ty MT số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật còn nợ tổng cộng là 1.412.184.397 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc 577.318.173 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/3/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm (24/5/2022) là 834.866.224 đồng. Đề nghị

tiếp tục tính lãi kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/5/2022) cho đến khi bà H thi hành án xong, với mức lãi suất 20%/năm. Về án phí, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Giữa Công ty MT và bà Võ Thị Tuyết H (là chủ Đại lý VTNN Tuyết H) đều có đăng ký kinh doanh, xác lập hợp đồng mua bán phân bón và thuốc bảo vệ thực vật nhằm mục đích lợi nhuận. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa Công ty MT và bà Võ Thị Tuyết H là “Tranh chấp về kinh doanh, thương mại, mua bán hàng hóa”. Do bị đơn bà H cư trú tại huyện CP, tỉnh AG nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn bà Võ Thị Tuyết H đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về xác định chứng cứ trong vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, Công ty MT cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản thỏa thuận mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật ngày 28/02/2011 và Giấy xác nhận công nợ ngày 01/3/2015 kèm theo Bảng chi tiết công nợ, được ký kết giữa Công ty MT và bà Võ Thị Tuyết H. Bà H không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ mà Công ty MT đưa ra. Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ này để làm chứng cứ giải quyết vụ án.

[3] Về hợp đồng mua bán hàng hóa:

[3.1] Căn cứ vào Bản thỏa thuận mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật ngày 28/02/2011 và Giấy xác nhận công nợ ngày 01/3/2015 kèm theo Bảng chi tiết công nợ, lời khai của ông Trần Ngọc Giàu E (đại diện cho Công ty MT) và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Giữa Công ty MT và bà Võ Thị Tuyết H có xác lập hợp đồng mua bán hàng hóa là phân bón và thuốc bảo vệ thực vật; hình thức mua đứt bán đoạn và thỏa thuận thanh toán nợ theo từng toa hàng trong thời hạn 120 ngày; có thỏa thuận về việc tính lãi chậm thanh toán với

mức lãi suất 1,7%/tháng. Tính đến ngày 01/3/2015, bà H còn nợ Công ty MT số tiền nợ gốc là 577.318.173 đồng.

[3.2] Xét, hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức giao dịch phù hợp với quy định tại Điều 24 Luật Thương mại năm 2005 và các điều 122, 123, 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Công ty MT đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao hàng, nhưng bà H chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nên giao dịch chưa được thực hiện xong mà thuộc trường hợp đang được thực hiện và có nội dung, hình thức phù hợp với quy định Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp giữa các bên.

[3.3] Bị đơn bà H không thanh toán nợ theo thỏa thuận của các bên là vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty MT. Do đó, Công ty MT khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền nợ gốc 577.318.173 đồng và tiền lãi chậm trả tiền là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật tại các điều 50, 55, 306 Luật Thương mại năm 2005 và các điều 357, 433, 440 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về việc tính lãi chậm trả tiền:

[4.1] Giữa Công ty MT và bà H khi xác lập hợp đồng mua bán có thỏa thuận về việc trả lãi trong trường hợp bà H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Tuy nhiên, thỏa thuận mức lãi suất chậm trả 1,7%/tháng (tương đương 20,4%/năm) là vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (20%/năm) nên mức lãi suất vượt quá quy định không có hiệu lực. Tại phiên tòa, ông Trần Ngọc Giàu E yêu cầu tính mức lãi suất theo quy định pháp luật là 20%/năm. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất chậm trả là 20%/năm và buộc bà H phải chịu lãi trên số tiền nợ gốc chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tiền cho Công ty MT.

[4.2] Kể từ ngày 01/3/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm (24/5/2022) là 07 năm 02 tháng 23 ngày. Số tiền lãi được tính như sau:

$$577.318.173\text{đ} \times 20\%/năm \times (07 \text{ năm } 02 \text{ tháng } 23 \text{ ngày}) = 834.866.224\text{đ}$$

$$\text{Tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 24/5/2022 là: } 577.318.173\text{đ} + 834.866.224\text{đ} = 1.412.184.397\text{đ}$$

Như vậy, bà H phải có trách nhiệm trả cho Công ty MT số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật còn nợ tổng cộng là: 1.412.184.397đ, trong đó bao gồm: Tiền nợ gốc là 577.318.173 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/3/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm (24/5/2022) là 834.866.224 đồng.

[5] Kể từ ngày 25/5/2022 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 20%/năm, tương ứng với số tiền nợ gốc và thời gian chậm thi hành án.

[6] Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên Công ty MT không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Công ty MT số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ và yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bà H phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 357, 430, 440 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 24, 50, 55, 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ vào Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty MT.

Buộc bà Võ Thị Tuyết H có trách nhiệm trả cho Công ty MT số tiền tổng cộng là 1.412.184.397 đồng (Một tỷ bốn trăm mười hai triệu một trăm tám mươi bốn nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng), trong đó bao gồm:

- Tiền nợ gốc: 577.318.173 (Năm trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm mười tám nghìn một trăm bảy mươi ba đồng);

- Tiền lãi tính từ ngày 01/3/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm (24/5/2022): 834.866.224 đồng (Tám trăm ba mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng).

Kể từ ngày 25/5/2022 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, bà Võ Thị Tuyết H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 20%/năm, tương ứng với số tiền nợ gốc và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

Trả lại cho Công ty MT số tiền 23.120.000 đồng (Hai mươi ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017489 ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh AG.

Bà Võ Thị Tuyết H phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm là 54.365.000 đồng (Năm mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Công ty MT có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Võ Thị Tuyết H có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Bờ

Nguyễn Hoàng Tuấn

Nguyễn Duy Linh

